

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA BẰNG HÌNH THỨC BẢO TÀNG HÓA DI SẢN VĂN HÓA

NGUYỄN THỊ THU TRANG*

Bảo tàng là loại thiết chế văn hoá đặc thù có chức năng nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày và bảo tồn kinh nghiệm văn hoá. Tùy thuộc vào bối cảnh lịch sử - xã hội, các hoạt động văn hoá lại có sự biến đổi và bảo tàng vì thế cũng linh hoạt đón nhận và đáp ứng nhu cầu văn hoá đó của lịch sử. Nghiên cứu áp dụng các nguyên tắc bảo tàng hoá di sản văn hoá là một trong các hình thức hoạt động bảo tàng có khả năng thích ứng với những biến đổi diễn ra trong đời sống xã hội nói chung và các hình thức hoạt động văn hoá nói riêng, để bảo tàng hoàn thành tốt hơn vai trò, chức năng của mình trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, phục vụ yêu cầu phát triển bền vững.

Những năm cuối của thế kỷ XX, giới bảo tàng học đã chứng kiến cuộc cách mạng bảo tàng lần đầu tiên, với sự phát triển mạnh mẽ xây dựng trưng bày bảo tàng, tư liệu hoá và giáo dục bảo tàng. Cuộc cách mạng này manh nha từ những năm 60 và năm 70 của thế kỷ XX, khi tình trạng xã hội và chính trị thiếu ổn định, đã xuất hiện các mối quan tâm về bảo vệ môi trường trong xã hội hậu hiện đại, dẫn đến sự ra đời và phổ biến những khái niệm thuộc lý thuyết "Bảo tàng học mới", mà Bảo tàng sinh thái hay Bảo tàng cộng đồng là xu thế chủ đạo¹.

Tại hội nghị Bàn tròn Santiago, Chilê, năm 1972, khái niệm Bảo tàng cộng đồng được đưa ra phân tích và chỉ rõ sự liên quan của loại hình bảo tàng này đến mục đích xã hội, đến sự tái tạo và phát triển

cộng đồng, đặc biệt là những cộng đồng vùng nông thôn nghèo². Đây được xem như một cách tiếp cận dân chủ và cởi mở hơn cho việc thành lập các bảo tàng, với sự lựa chọn, đồng thuận và thực hiện bởi cộng đồng cư dân địa phương.

Bảo tàng học mới hay Bảo tàng học cộng đồng, ban đầu đều là sự khuyến khích một cách tiếp cận mới đối với bảo tàng và là một phương pháp tối ưu cho bảo tồn và phát huy di sản: Bảo tàng hoá di sản văn hóa. Bên cạnh phương pháp bảo tàng hoá trong bảo tàng học truyền thống, Bảo tàng sinh thái là một cách thức mới để thực hiện ý tưởng sáng tạo này. Trọng tâm của bảo tàng sinh thái dựa trên tính dân chủ, thực hiện thành quy trình với các yếu tố di sản và cộng đồng tại một địa điểm được xác định theo lối sống thân thiện với môi trường thiên nhiên và xã hội ở từng cộng đồng cư dân cụ thể. Việc thực hiện bảo tàng hoá di sản thông qua bảo tàng sinh thái, bảo tàng cộng đồng nhằm tạo cho cộng đồng một vai trò xã hội đặc biệt, để họ tự nhận thức về giá trị di sản văn hóa mà họ nắm giữ, tự giác tham gia các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản đó phục vụ cho sự phát triển của chính cộng đồng.

1. Từ khái niệm bảo tàng hoá

Theo nghĩa thông thường, bảo tàng hoá (tiếng Pháp: Muséalisation hay Muséification, tiếng Anh: Musealisation hay Museumization) có thể được hiểu là biến một vật/đối tượng nào đó thành hiện vật và đưa nó vào trưng bày trong bảo tàng, mang đến cho vật đó tính chất bảo tàng, hoặc rộng hơn, biến một phần cuộc sống và hoạt động của một cộng đồng, thậm chí là một thắng cảnh thiên

* *Cục Di sản văn hóa*

nhân, trở thành một loại hình bảo tàng, hay là phương pháp chuyển đổi một loại hình hay mô hình nào đó sang mô hình bảo tàng. Tiếp cận từ góc độ di sản, thuật ngữ “di sản hoá” (tiếng Pháp: Patrimoinilisation, tiếng Anh: Heritagisation) cũng thường được sử dụng và thể hiện đầy đủ ý nghĩa của nguyên tắc này, mà về cơ bản được dựa trên ý tưởng về việc bảo tồn, bảo quản một hiện vật hay một địa điểm di tích ngay tại môi trường sinh thái - nhân văn, nơi chúng đã được sáng tạo ra và hiện đang tồn tại, song không nhất thiết phải tuân thủ nghiêm ngặt toàn bộ quy trình bảo tàng học.

Từ quan điểm bảo tàng học, ICOFOM, Diễn đàn tranh luận quốc tế về bảo tàng của tổ chức ICOM đã đưa ra định nghĩa về bảo tàng hoá như sau: Bảo tàng hoá là hoạt động đưa, tách một vật nào đó khỏi môi trường gốc tự nhiên và văn hoá của nó, theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng, tạo ra cho nó một trạng thái mới tại bảo tàng, nghĩa là đem đến cho nó một giá trị mới... để nó trở thành đối tượng hiện vật của bảo tàng (tiếng Pháp: un muséalium) và một chức năng mới là trở thành một hiện vật bảo tàng để giới thiệu, để trưng bày trong bảo tàng (tiếng Pháp: une muséalie)³.

Quá trình bảo tàng hoá này không phải là chỉ có bằng được một đối tượng để đặt trong không gian bảo tàng, như cách nói của Zbynek Stransky, một hiện vật của bảo tàng không đơn thuần chỉ là một hiện vật nằm trong bảo tàng, hay Hudson “một con hổ trong một bảo tàng là một con hổ trong bảo tàng và không chỉ là một con hổ”. Bởi vì khi đó, hiện vật được bảo tàng hoá, nghĩa là thông qua việc thay đổi bối cảnh cùng với quá trình lựa chọn, sưu tầm và giới thiệu, tình trạng của hiện vật này đã thay đổi: từ vật không có giá trị hoặc chỉ có giá trị vật chất thông thường đã trở thành đối tượng của bảo tàng rồi trở thành hiện vật trưng bày tại bảo tàng. Cho dù đó là một vật gì đi chăng nữa, mang tính linh thiêng hay không, động vật hay thực vật, vật thể hay chỉ là “vật mang” của một giá trị phi vật thể... thì khi vào trong bảo tàng, nó hiển nhiên trở thành một hiện vật mang giá trị vật thể hay phi vật thể của con người với không gian sống của họ, trở thành đối tượng cho nghiên cứu khoa học và triển lãm, do đó, nó thực sự được mang một giá trị văn hoá cụ thể. Đó là hiện vật mà cũng theo Zbynek Stransky thì:

- Là bằng chứng vật chất và phi vật chất của loài người và môi trường sống của họ đều thuộc

về bảo tàng;

- Được tách khỏi bối cảnh ban đầu;
- Trở thành vật thay thế cho thực tiễn mà nó đại diện;

- Có thể đã bị thay đổi/mất mát khá nhiều thông tin (trường hợp một số hiện vật khảo cổ học);

- Là vật thay thế phức hợp, hay sự mô phỏng thực tế được tạo dựng trong bảo tàng, được “hiện vật hoá” để trở thành hiện vật bảo tàng và mang một giá trị cụ thể sau quá trình bảo tàng hoá.

- Việc bảo tàng hoá các vật đã được “hiện vật hoá” tạo ra giá trị văn hóa cho các tài liệu, hiện vật này, (làm cho nó trở nên thật hơn, gần với đời sống thật của nó), vẫn không thể làm cho hiện vật “sống” như nó vốn có trong môi trường khởi nguồn của hiện vật⁴.

Đây là cách mà chúng ta vẫn thường gọi là bảo tàng hoá di sản văn hoá theo nghĩa hẹp, nghĩa là bảo tồn và phát huy tất cả các đối tượng di sản văn hoá (vật thể và phi vật thể, động sản và bất động sản, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia...), đã được đưa ra khỏi môi trường tồn tại ban đầu để đưa vào môi trường đặc biệt do bảo tàng tạo ra (bảo tồn tĩnh).

Chính vì lý do đó mà việc bảo tàng hoá này từ trước đến nay đòi hỏi được làm theo một quy trình khoa học, nhất thiết phải bao gồm các khâu của hoạt động bảo tàng: nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, xử lý rồi trưng bày và phát huy.

Đây là hoạt động mà các nhà bảo tàng học Nga định nghĩa “là một hướng hoạt động bảo tàng và bảo tồn di sản mà thực chất là biến các đối tượng lịch sử, văn hoá và tự nhiên thành đối tượng trưng bày bảo tàng nhằm mục đích bảo quản tối đa và thể hiện những giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và nghệ thuật của những đối tượng này và hoà nhập chúng vào nền văn hoá đương đại”⁵. Phương pháp Bảo tàng hoá di sản văn hoá tại bảo tàng được thực hiện bởi việc tách di sản khỏi môi trường tồn tại của nó và đặt di sản tại môi trường nhân tạo, môi trường văn hoá - lịch sử do bảo tàng tạo nên.

Bảo tàng hoá di sản văn hoá theo nghĩa rộng là một phương pháp tối ưu và hiện đại nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hoá trực tiếp tại địa điểm di sản tồn tại (biến thành bảo tàng ngoài trời, ngay tại địa phương và trong lòng cộng đồng) ngay trong môi trường sinh thái - nhân văn nơi di sản được sáng tạo ra, hiện đang tồn tại, đồng thời còn gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật của cộng đồng cư dân địa phương -

các chủ thể sáng tạo văn hoá. Môi trường bảo tàng được tạo dựng sau di sản (về thời gian) và xung quanh di sản (về không gian), còn di sản lại trở thành hiện vật trưng bày chính của bảo tàng vừa được ra đời. Vì thế, di sản văn hoá phi vật thể - lối sống, nếp sống, sinh hoạt đời sống thường nhật của cộng đồng tiếp tục được thực hành, lưu truyền, tái tạo, bổ sung, mang hơi thở của cuộc sống (bảo tồn động). Còn di sản văn hoá vật thể thì không bị suy giảm về giá trị, mối liên hệ với môi trường, không gian tồn tại lịch sử không bị cắt đứt, tiềm năng thông tin còn nguyên vẹn, bởi nó không bị tách ra khỏi địa điểm, môi trường tồn tại để chuyển sang nơi mới. Trong nhiều trường hợp, cư dân địa phương, hình thức lao động sản xuất, sinh hoạt đời thường của họ cũng là một bộ phận trưng bày của bảo tàng.

Có thể khái quát, Bảo tồn động hay Bảo tàng hoá di sản văn hoá trong cộng đồng là hoạt động mà nhờ đó di sản văn hoá được bảo tồn trực tiếp tại địa điểm nơi di sản được sáng tạo ra và tồn tại, trong đó môi trường bảo tàng được tạo dựng xung quanh và ngay trong môi trường sống của di sản. Di sản, vì thế trở thành hiện vật chính của “bảo tàng” vừa xuất hiện, chủ thể văn hoá - cộng đồng cũng chính là các “hiện vật bảo tàng” và cũng giữ vai trò người thuyết minh, hướng dẫn. Hoạt động sống của chủ thể văn hoá - cộng đồng trở thành hoạt động bảo tàng, không gian sống của di sản văn hoá trở thành không gian bảo tàng.

Nếu như mô hình bảo tàng hoá theo dạng bảo tồn tĩnh đã trở thành phổ biến và có mặt ở hầu như tất cả các nước trên thế giới, thì cho đến nay, nhiều mô hình bảo tàng hoá theo nghĩa bảo tồn động, bảo tàng hoá di sản trong cộng đồng đã/cũng được áp dụng ở một số nước như: Pháp, Thụy Điển, Ý, Nga... sau đó là một số nước châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...). Theo các nhà khoa học Nga thì kết quả của công cuộc bảo tàng hoá là sự xuất hiện của nhiều loại hình bảo tàng khác nhau như các bảo tàng quần thể kiến trúc và môi trường sinh thái nhân văn. Họ phân chia các bảo tàng này thành 3 nhóm chính là:

- Bảo tàng - đài tưởng niệm;
- Bảo tàng ngoài trời;
- Bảo tàng sinh thái.

Các nhà khoa học Nga cũng xác định tiêu chí cách tiếp cận bảo tàng hoá không phải theo kiểu bảo tàng mà là loại đối tượng có thể/cần được bảo

tàng hoá, bao gồm 5 nhóm đối tượng:

- Di sản kiến trúc và công trình xây dựng đô thị;
- Di sản khảo cổ học;
- Di sản khoa học và kỹ thuật;
- Cảnh quan, môi trường;
- Các đối tượng lịch sử, văn hoá phi vật thể⁶.

Còn các nhà bảo tàng học Pháp lại thống nhất trong định nghĩa về Bảo tàng sinh thái (Écomusée) để chỉ mô hình bảo tàng hoá di sản trong cộng đồng. Theo đó, bảo tàng sinh thái được hiểu là một mô hình di sản cộng đồng nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Bảo tàng hoá theo mô hình bảo tàng sinh thái là một cách làm năng động, dựa trên sự đồng thuận của cộng đồng, trong đó các cộng đồng cam kết thực hiện việc bảo tồn, giới thiệu và quản lý di sản của họ cho sự phát triển (di sản, tài nguyên và cộng đồng) bền vững⁷.

Về nguồn gốc và bản chất, có thể nói sự hình thành bảo tàng được xuất phát từ mong muốn của con người trong việc sưu tầm và lưu giữ những đối tượng có ý nghĩa quan trọng, có giá trị lưu niệm đối với ký ức của cá nhân và cộng đồng. Cùng với sự phát triển của lịch sử cũng như sự thay đổi trong quá trình nhận thức lịch sử, những đối tượng này được mở rộng hơn và là những đối tượng mang ý nghĩa, giá trị đặc biệt đối với xã hội. Vì thế mà cộng đồng ngày một quan tâm và ngày càng có nhu cầu hình thành những cơ sở để lưu giữ và bảo tồn tất cả những đối tượng có ý nghĩa đã được cộng đồng thu thập (hay sưu tập hoá), cũng như nhu cầu có thể bảo tồn một cách nguyên trạng những đối tượng không thể tách ra khỏi môi trường của nó để đặt vào trong một cơ sở lưu giữ. Nhu cầu ấy chính là sự phù hợp của các ý tưởng bảo tàng hoá⁸ và đến nay có thể được coi là quan điểm đúng đắn để bảo tồn và sử dụng di sản cũng như để phát triển bảo tàng hoá di sản thiên nhiên và di sản văn hoá vật thể và phi vật thể ở trong nhà cũng như ngoài trời.

2. Đến thực hiện bảo tàng hoá di sản văn hoá

Khoảng hai thập kỷ trở lại đây, thuật ngữ “bảo tàng” đã được mở rộng và mang đến một khái niệm mới: Bảo tàng sinh thái (écomusée). Vẫn nằm trong nội hàm của định nghĩa “bảo tàng”, “bảo tàng sinh thái” dùng để chỉ những không gian văn hóa, địa điểm lịch sử và môi trường thiên nhiên được phát triển từ cộng đồng và phát triển vì cộng đồng, kết hợp việc bảo tồn, trưng bày, giới thiệu và giải thích về các di sản thiên nhiên và văn hoá bởi chính cộng đồng; “bảo tàng sinh thái” thể hiện cuộc sống, môi



Tam quan chùa Bi, Nam Trục, Nam Định - Ảnh: Quốc Vụ

trường lao động trên một khu vực địa lý cụ thể và thực hiện việc nghiên cứu bảo tàng học ngày tại đó.

Phong trào bảo tàng sinh thái có nguồn gốc từ Pháp vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX và được khởi xướng bởi hai nhà bảo tàng học người Pháp là George Henri Rivière và Hugues de Varine. Năm 1971, trong cuộc nói chuyện tại hội nghị của ICOM ở Dijon, Pháp, Hugues de Varine phát minh ra cụm từ "Écomusée" (được hiểu là Bảo tàng sinh thái) bao hàm các ý nghĩa của việc thành lập một bảo tàng, sử dụng di sản địa phương và do cộng đồng địa phương đồng thuận, tự nguyện xây dựng và quản lý để hỗ trợ phát triển. Khái niệm "bảo tàng sinh thái" thường bị lạm dụng, định nghĩa về một bảo tàng sinh thái vẫn còn là một vấn đề gây tranh cãi trong bảo tàng học hiện đại. Nhiều nhà bảo tàng học tìm cách xác định các tính năng đặc biệt của bảo tàng sinh thái, họ cố gắng liệt kê các đặc điểm cũng như các ưu điểm của loại hình bảo tàng này. Cũng trong năm 1971, Hội đồng Bảo tàng quốc tế (ICOM) cũng đưa ra định nghĩa về Bảo tàng sinh thái. Theo đó, Bảo tàng sinh thái được hiểu là bảo tàng thể hiện thông qua không gian và thời gian, nhằm khẳng định và quảng bá các giá trị của di sản văn hoá vật thể (nơi ở, cộng cụ lao động và sinh hoạt...) và di sản văn hoá phi vật thể (kỹ năng, bí

quyết, tri thức...) của một vùng lãnh thổ hay một cộng đồng dân cư. Theo cách tiếp cận từ nhiều góc độ, thì trong định nghĩa của ICOM, "bảo tàng sinh thái" được nhìn nhận chính xác hơn là từ những gì bảo tàng đang làm, hơn là những gì mà bảo tàng đang có.

Năm 1980, André Devallées, một nhà bảo tàng học người Pháp đã xuất bản bài viết "Nouvelle Muséologie" (Bảo tàng học mới), nhằm thay đổi tầm nhìn của xã hội đối với phát triển bảo tàng, với nội dung về mô hình "Bảo tàng cộng đồng" nhằm mục đích phát triển xã hội. Có thể thấy, hai người Pháp với hai từ mới song cùng một nghĩa. Cũng từ đó, ở nhiều nước, khái niệm "Bảo tàng học mới" và "Bảo tàng học sinh thái" được áp dụng cho những dự án bảo tàng hoá di sản trong cộng đồng liên quan tới sự phát triển kinh tế xã hội.

Ngoài chức năng chính là bảo tồn và trao truyền các di sản, bảo tàng sinh thái còn tham gia tích cực vào đời sống xã hội cũng như thể hiện nguyện vọng, ý chí của cộng đồng địa phương. Sự đồng thuận và tham gia của họ vào bảo tàng sinh thái là một trong những nguyên tắc hay tiêu chí chủ chốt cho việc sáng lập những bảo tàng sinh thái này.

Có một hiện tượng là, bảo tàng sinh thái đã phát triển đáng kể trong những năm qua, nhưng không

theo một mô hình bảo tàng sinh thái nào cụ thể mà là sự ứng dụng những lý thuyết và mô hình đa dạng để phù hợp trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Vì ngày càng có nhiều bảo tàng sinh thái được thành lập trên toàn thế giới nên những ý tưởng ngày càng phát triển và những thay đổi trong cách tiếp cận đối với lý thuyết cũng được phản ánh qua sự phản hồi của cộng đồng liên quan. Thời gian gần đây, bảo tàng sinh thái thể hiện tầm quan trọng đặc biệt của nó thông qua sự xuất hiện ngày càng nhiều loại hình bảo tàng này ở Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam và Campuchia, đặc biệt với sự gia tăng đáng kể ở Pháp, Ý, Ba Lan, Cộng hòa Séc và Thổ Nhĩ Kỳ.

Về bản chất, bảo tàng sinh thái là một phương tiện quan trọng mà qua đó một cộng đồng có thể kiểm soát di sản của họ cũng như của bảo tàng và cho phép ứng dụng những cách tiếp cận mới để làm tăng thêm ý nghĩa đối với hoạt động bảo tồn đặc biệt của từng vùng/địa phương. Đó là lý do mà nó có thể được hiểu là bảo tàng cộng đồng.

Theo định nghĩa của Mạng lưới Bảo tàng sinh thái Châu Âu, thì: "Bảo tàng sinh thái là một phương thức hoạt động hiệu quả, năng động mà qua đó, các cộng đồng được quyền chủ động thực hiện việc bảo tồn, giới thiệu và quản lý di sản của họ phục vụ cho sự phát triển bền vững. Bảo tàng sinh thái phải được xây dựng dựa trên sự đồng thuận của cộng đồng" [Tuyên bố của Hội thảo tại Trento, Italia, tháng 5 năm 2004], với cách giải thích từ ngữ:

- Phương thức hoạt động hiệu quả, năng động có nghĩa là vượt qua được những hoạt động đơn thuần của một bảo tàng thông thường, tạo ra những hoạt động thực tiễn, có thể làm thay đổi đời sống (kinh tế) của cộng đồng theo hướng tích cực và cải thiện cảnh quan, môi trường sống (tinh thần) của cộng đồng.

- Cộng đồng ở đây được hiểu là một nhóm người có trách nhiệm:

- + Cùng tham gia;
- + Cùng chia sẻ;

- + Cùng đảm đương và thay thế vai trò cho nhau: đại diện chủ thể văn hoá, nhà quản lý, nhà nghiên cứu, khách tham quan, tình nguyện viên... đều có vai trò quan trọng trong bảo tàng sinh thái.

- Sự tham gia của cộng đồng không có nghĩa là phủ nhận sự tham gia và quản lý của chính quyền địa phương. Ngược lại, chính quyền địa phương

đóng vai trò quan trọng, luôn liên quan và có ảnh hưởng tới cộng đồng bằng định hướng, hướng dẫn và điều chỉnh hoạt động chứ không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ "người có thẩm quyền".

- Việc bảo tồn, giới thiệu và quản lý di sản có nghĩa là giới thiệu và quảng bá các giá trị di sản, cung cấp những thông tin về di sản cũng như thông tin về cộng đồng nhằm tạo dựng hình ảnh của cộng đồng, là một phần trong các hoạt động hàng ngày của các bảo tàng sinh thái.

- Di sản trong trường hợp này cũng rất gần với Không gian hay Địa điểm sống, bao gồm cả lịch sử của dân cư, tất cả những gì hữu hình và vô hình, cả tài sản vật chất và phi vật chất, những ký ức và thậm chí cả tương lai.

- Đối với bảo tàng sinh thái, phát triển bền vững là vấn đề trọng tâm và nó cũng có nghĩa là làm tăng giá trị của một không gian, địa điểm sống của cộng đồng. Bằng chứng từ những thực hành tốt nhất xác định rõ hai yếu tố chủ yếu của quá trình này: đầu tư cho cơ sở hạ tầng và phát triển mạng lưới địa phương, nơi mà bảo tàng sinh thái phải đóng một vai trò quan trọng như chất xúc tác cho phát triển nguồn vốn xã hội.

- Đồng thuận được hiểu là một sự đồng cảm, cùng chia sẻ trách nhiệm và lợi ích giữa các thành viên cộng đồng, thể hiện sự tự nguyện và cam kết cùng hành động vì mục đích chung của người dân địa phương.

Nếu như công thức của một bảo tàng là: Toà nhà + các sưu tập + các chuyên gia (bảo tàng, bảo tồn, thiết kế trưng bày...) + các kỹ thuật [Rivard, 1984] + khách tham quan [David, 1999] thì công thức cho một bảo tàng sinh thái gồm: địa điểm/không gian/lãnh thổ + di sản + ký ức + cộng đồng (bao gồm cộng đồng chủ thể và khách thể của di sản)⁹.

Với công thức đó, có thể nhận thấy, mô hình bảo tàng này có những đặc điểm khác với mô hình bảo tàng truyền thống:

- Về vị trí: nó không bị giới hạn trong phạm vi một toà nhà bảo tàng mà nó mở rộng theo quy mô, phạm vi của di sản và ký ức cộng đồng;

- Có thể lựa chọn nhiều khía cạnh và nhiều loại hình của di sản trong phạm vi lãnh thổ sinh sống của cộng đồng để bảo tồn và phát huy;

- Có xuất phát điểm, nguồn gốc là một bảo tàng, mang các tính chất và đặc trưng bảo tàng học nhưng lại được hình thành từ cộng đồng.

Những đặc điểm đó chứng minh bảo tàng sinh thái là mô hình bảo tàng được hình thành nhờ vào cộng đồng và cho cộng đồng với 3 trụ cột căn bản:

1. Ý nghĩa và tinh thần của không gian, địa điểm mà thông qua đó, chúng ta có thể tiếp cận một cách toàn diện các nguồn di sản trong môi trường tồn tại của nó;

2. Sự tham gia của cộng đồng và tính chất dân chủ hoá trong các quá trình hoạt động của bảo tàng;

3. Một Bảo tàng sinh thái lý tưởng là một bảo tàng "linh hoạt" trong đời sống cộng đồng nên dễ thích nghi, đáp ứng được với sự thay đổi của các bối cảnh xã hội.

Mô hình bảo tàng cộng đồng như thế thực sự cần thiết và có thể là giải pháp tốt cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá.

Tóm lại, hoạt động trên nguyên tắc bảo tàng học, bảo tàng hóa di sản là phương pháp cho đến nay có thể coi là tối ưu nhằm mục đích bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Giá trị của hiện vật trong các bộ sưu tập hiện vật của bảo tàng không phải hoàn toàn là giá trị nội tại của vật đó, mà thông qua các hoạt động của bảo tàng, sẽ mang đến cho hiện vật các đặc tính để nó trở thành hiện vật bảo tàng, phục vụ cho nhu cầu công chúng. Nhờ đó, hiện vật được công chúng biết đến, nghĩa là được phát huy giá trị của mình trong môi trường bảo tàng. Theo đó, bảo tàng đã thực hiện chức năng nghiên cứu, sưu tầm, lựa chọn, trưng bày hiện vật thông qua phương pháp bảo tàng hoá tại bảo tàng. Hay nói cách khác, việc bảo tàng hoá này đã mang đến một giá trị cụ thể mang tính di sản cho đối tượng trưng bày bảo tàng. Bên cạnh đó, những địa điểm, những cộng đồng người là chủ thể di sản lại cần được quan tâm, bảo tồn và phát huy, thì nhất thiết phải áp dụng một mô hình bảo tàng mới mang tính hiện đại, với các hoạt động mang tính bảo tàng học nhằm bảo tồn

và phát huy tại chỗ giá trị của di sản. Khi ấy, bảo tàng cần phát huy vai trò của mình trong việc bảo tàng hoá di sản ngay tại cộng đồng, vì cộng đồng và do cộng đồng chủ động thực hành trong không gian mà di sản tồn tại, tránh được những mất mát về thông tin, về giá trị nội tại của di sản trong bối cảnh tồn tại của nó. Liên quan đến các chức năng của bảo tàng và được thực hiện trên các nguyên tắc khoa học của bảo tàng học, bảo tàng hoá di sản với sự đồng thuận của cộng đồng có thể được áp dụng đối với di sản thiên nhiên, di sản văn hoá, cả di sản vật thể và phi vật thể. Qua đó, tất cả các loại hình di sản đều được bảo tồn, phát huy và khẳng định được vai trò, vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, góp phần tạo nên sự phát triển bền vững cho di sản và cho cộng đồng chủ thể di sản./.

N.T.T.T

Chú thích:

1- Mairesse F., Desvallées A., *Breve histoire de la muséologie*, in Marriaux P.A., *L'objet de la muséologie*, Neuchâtel, Institut d'Histoire de l'art et de muséologie, 2005.

2- Findlen P., "The museum: its classical etymology and Renaissance genealogy", in *Journal of the History of Collections*, 1, n°1, 1989.

3- ICOM, ICOM, *Key concept of Museology*, Edited by André Desvallées and François Mairesse, Armand Colin, 2010.

4- Zbyneck Stransky, *Muséologie, Introduction aux études, Destinée aux étudiants de l'École Internationale d'Été de Muséologie*, EIEM, Université Masaryk a Brno, Brno 1995.

5- Kaulen M.E., Kossova I.M., Sundieva A.A., *Sự nghiệp bảo tàng của nước Nga*, Cục Di sản văn hoá, Hà Nội, 2006.

6- Kaulen M.E., Kossova I.M., Sundieva A.A., *Sự nghiệp bảo tàng của nước Nga*, Cục Di sản văn hoá, Hà Nội, 2006.

7- Peter Davis, *New museology, communities and ecomuseums*, Newcastle University, UK, Lectures for ICH Workshop in Korea, 2009.

8- André Desvallées, François Mairesse, *Dictionnaire encyclopédique de muséologie*, Armand Colin 2011.

9- Peter Davis, *New museology, communities and ecomuseums*, Newcastle University, UK, Lectures for ICH Workshop in Korea, 2009.

(Ngày nhận bài: 15/10/2013; Ngày phản biện đánh giá: 21/10/2013; Ngày duyệt đăng bài: 28/11/2013).

Nguyễn Thị Thu Trang: Preservation and Promotion of Cultural Heritage by Museumizing Heritage

Museumizing heritage is to preserve and promote in place the values of heritage through the activities of modern museology. Museumizing heritage with the consensus of local community to preserve, promote of natural heritage, cultural heritage both tangible and intangible elements, as well as determine the role and status of heritage in social life, to contribute the sustainable development for heritage and community in future.